

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2021/HC-PT
Ngày: 25 - 5 - 2021
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 696/2020/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 80/2020/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 525/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Đ2, huyện Đ3, tỉnh Long An (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Lê Văn Nh; địa chỉ: Công ty Luật TNHH T đường N, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Đ, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ1 (vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Mai Trung H, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ1 (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà U: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Đ2, huyện Đ3, tỉnh Long An (có mặt)

3.2. Bà Trương Ngọc M, sinh năm 1976. Địa chỉ: Đường N, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3.3. Ông Lạc C, sinh năm 1968. Địa chỉ: 51/15 Đường Lê Quang Sung, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Phạm Văn H; địa chỉ: đường N1, phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3.4. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Thanh L, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK đất đai tại huyện Đ1, tỉnh Long An (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1942; Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An (vắng mặt)

4.2. Ông Võ Văn Ch, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu công nghiệp H, ĐT9, xã M, huyện Đ1, tỉnh Long An (vắng mặt)

5. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc M, ông Lạc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh Ph do ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.567m², tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An do cha ông Ph là ông Nguyễn Văn Kh khai dõ và quản lý từ năm 1986, trước đây bà Nguyễn Thị H có tranh chấp với ông Kh và được giải quyết bằng Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 13/8/1996 nội dung buộc bà H giao đất cho ông Kh diện tích 3.567m² (thửa 68, tờ bản đồ 29), tọa lạc xã Đ, huyện Đ1, Long An. Cha ông Ph cho ông Ph thửa 68 nêu trên và ông Ph đi đăng ký kê khai vào năm 1997. UBND huyện Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph ngày 30/10/1997 gồm nhiều thửa trong đó có thửa số 68, tờ bản đồ 29, diện tích 3.567m². Vợ chồng ông Ph đã quản lý và sử dụng từ năm 1997 đến nay. Tháng 2/2020, ông Ph cất nhà tạm thì bà Trương Ngọc M tranh chấp cho rằng thửa 68 của bà M. Tại buổi hòa giải ngày 11/6/2020 của UBND xã Đ thì ông Ph mới biết thửa đất 68 của ông Ph được cấp giấy năm 1997 lại được UBND huyện Đ1 cấp cho ông Lạc C thửa 0717 năm 2004 và đính chính thành thửa 68 vào năm 2017. Ông Lạc C chuyển nhượng cho bà Trương Ngọc M và được cập nhật điều chỉnh sang tên bà M năm 2017. Do nhận thấy việc cấp thửa 0717 và đính chính thành thửa 68 là trái pháp luật do không đúng đối tượng, không đúng thửa đất vì thửa 68 đã cấp cho ông

Ph từ năm 1997 và vợ chồng ông Ph đang quản lý sử dụng. Do đó, ông Nguyễn Thanh Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 137933, số vào sổ 0717/LA 2189 QSDĐ ngày 18/8/2004 do UBND huyện Đ1 cấp cho ông Lạc C đối với thửa 0717, đính chính thành thửa 68 tại trang 4 ngày 12/7/2017. Hủy chỉnh lý biến động ngày 18/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ1 tại trang số 4 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lạc C.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ1 có văn bản số 10850/UBND-NC ngày 8/9/2020 trình bày:*

Theo hồ sơ lưu trữ thể hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lạc C (năm 2004) thể hiện: Ngày 18/8/2004, UBND huyện Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lạc C tại thửa 0717, tờ bản đồ 29, diện tích 3.932m², tọa lạc xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An theo trình tự cấp lần đầu được UBND xã xác nhận đủ điều kiện cấp giấy.

Theo hồ sơ lưu trữ về việc đính chính số thửa trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lạc C (năm 2017) cung cấp thể hiện: Ngày 12/7/2017, UBND huyện Đ1 đính chính thửa số 0717 thành thửa số 68, tờ bản đồ số 29, tọa lạc xã Đ, huyện Đ1 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 137933 số vào sổ 2189 do UBND huyện Đ1 cấp ngày 18/8/2004 cấp cho ông Lạc C, lý do đính chính: Sai sót trong quá trình cấp giấy.

Đối với nội dung chỉnh lý biến động ngày 18/9/2017 về việc chuyển nhượng cho bà Trương Ngọc M do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ1 thực hiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U do ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà Nguyễn Thị U là vợ ông Nguyễn Thanh Ph, bà U thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập) bà Trương Ngọc M do bà Đỗ Thị H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần đất có diện tích 3.932m² thuộc thửa 68, tờ bản đồ 29 xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của ông Lạc C được UBND huyện Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 137933, số vào sổ 2189/QSDĐ/0717 cấp ngày 18/8/2004, cập nhật biến động ngày 12/7/2017 và ngày 15/7/2017. Ngày 11/9/2017, ông Lạc C chuyển nhượng toàn bộ thửa 68 cho bà Trương Ngọc M cập nhật sang tên bà M ngày 18/9/2017. Việc ông Ph yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Lạc C thì bà Trương Ngọc M không đồng ý. Đồng thời bà Trương Ngọc M có yêu cầu độc lập khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 684673 số vào sổ 0386 QSDĐ/0717 LA do UBND huyện Đ1 cấp ngày 30/10/1997 cấp cho ông Nguyễn Thanh Ph.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lạc C do bà Nguyễn Thị Thanh L đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc thửa 68, tờ bản đồ số 29 tọa lạc xã Đ do ông Lạc C nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Kh nhờ ông Võ Văn Ch làm thủ tục chuyển nhượng đùm. Nhưng khi làm giấy thì ghi sai số thửa 68 thành 0717. Đến năm 2017, khi ông C làm thủ tục xóa hộ thì mới phát hiện và được đính chính thành thửa 68. Năm 2017, ông C chuyển nhượng thửa 68 cho bà Trương Ngọc M và được cập nhật biến động trên trang số 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C thành tên của bà M. Do đó, ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ph do UBND huyện Đ1 cấp năm 1997.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ1 có văn bản xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn trình bày ý kiến cho Tòa án.*

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 80/2020/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 166 và Điều 106 Luật đại đại; Điều 32 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 137933 số vào sổ 2189/QSĐĐ do UBND huyện Đ1 cấp cho hộ ông Lạc C ngày 18/8/2004 đối với thửa 0717, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.932m² (ngày 02/7/2017 điều chỉnh thửa 0717 thành thửa 68; ngày 15/8/2017, điều chỉnh hộ ông Lạc C thành ông Lạc C và điều chỉnh biến động thành Trương Ngọc M ngày 18/9/2017), đất tọa lạc xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc M về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ1.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 684673 số vào sổ 0386/QSĐĐ/0717 LA do UBND huyện Đ1 cấp cho ông Nguyễn Thanh Ph ngày 30/10/1997 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 29 diện tích 3.567m² là đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định xem xét tại chỗ, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 09/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc M, ông Lạc C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có quan điểm như sau:*

Các đương sự đều thống nhất diện tích đất có nguồn gốc là của ông Kh (cha ông Ph), phía người liên quan ông C, bà M kháng cáo cho rằng diện tích đất này ông C đã nhận chuyển nhượng từ ông Kh, nhưng có lúc lại khai là nhận chuyển nhượng từ ông Ch. Lời khai là không thống nhất.

Việc đính chính của cơ quan có thẩm quyền là trùng lặp và không đúng quy định của pháp luật. Việc người đại diện của bà M cho rằng, ông Ph không quản lý, sử dụng mà bà M mới là người quản lý sử dụng là không đúng. Ông Ph đã quản lý, sử dụng liên tục từ trước tới nay, điều này có sự xác nhận của những người làm chứng, đồng thời biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng thể hiện việc này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quan điểm như sau:*

Nguồn gốc đất các đương sự đều thừa nhận là của ông Kh, ông Kh đã được Nhà nước công nhận. Sau khi được cha cho diện tích đất này, ông Ph đã đi đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện ông Ph là người trực tiếp quản lý sử dụng. Việc đính chính thửa đất của UBND huyện Đ1 là không đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ xin cấp đất của ông C cũng không thể hiện nguồn gốc đất. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận cho ông C là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph là có căn cứ và đúng pháp luật.

Yêu cầu kháng cáo của ông C, bà M là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc M và ông Lạc C kháng cáo bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph là có căn cứ và đúng pháp luật, bởi lẽ:

[1.1] Căn cứ các chứng cứ đã thu thập và chính lời thừa nhận của tất cả các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận thửa đất số 68, tờ bản đồ số 29, tọa lạc xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An là của ông Nguyễn Văn Kh (cha ông Ph). Ông Ph cho rằng thửa 68 được ông Kh cho năm 1997 và kê khai đăng ký năm 1997. Ông Lạc C do bà Lan đại diện theo ủy quyền và bà Trương Ngọc M do bà Huệ đại diện theo ủy quyền cho rằng ông C được ông Kh chuyển nhượng và nhờ ông Võ Văn Ch làm thủ tục kê khai đăng ký dùm.

Trong khi đó, chứng cứ đã thu thập thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 684673, sổ vào sổ 0386 của ông Nguyễn Thanh Ph được UBND huyện Đ1 cấp ngày 30/10/1997 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 29 diện tích 3.567m². Ông Ph trình bày được ông Nguyễn Văn Kh cho theo giấy xác nhận của ông Kh và văn bản tặng cho của vợ chồng ông Kh là hoàn toàn có căn cứ. Điều này được thể hiện tại

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ph, theo đó thể hiện diện tích đất được cấp ghi đúng với diện tích 3.567m² mà trước đây ông Kh – là cha của ông Ph được công nhận tại Quyết định số 1335, ngày 13/8/1996 của UBND tỉnh Long An giải quyết tranh chấp giữa ông Kh và bà Nguyễn Thị H. Sau khi được cha cho diện tích này, ông Ph đã tiến hành kê khai và được UBND huyện Đ1 ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 805/QĐ-UBND ngày 30/10/1997, việc cấp này là đúng đối tượng, đúng diện tích và nguồn gốc.

[1.2] Bên cạnh đó, Giấy chứng nhận của ông Nguyễn Thanh Ph được UBND huyện Đ1 cấp ngày 30/10/1997 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 29 diện tích 3.567m² đến thời điểm tranh chấp thì ông Ph vẫn là người quản lý sử dụng theo các văn bản xác nhận của những người làm chứng gồm Phan Văn L, Lê Tuấn K và Mai Thành Đ xác định ông Ph là người kê khai và quản lý sử dụng trồng tràm trên thửa 68 đến năm 2020 ông Ph mới phá tràm. Những văn bản làm chứng phù hợp biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện trên đất có nhà tạm do chính ông Ph cất.

Đồng thời, tại sở địa chính của UBND xã Đ đã thể hiện ông Ph chính là người đứng mà không phải là ông Lạc C.

[2] Đối với việc đính chính thửa 0717 thành thửa 68 tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy rằng: Quá trình đính chính nhưng không kiểm tra, không có lập biên bản về sai sót và thực tế thửa 68 tại thời điểm đính chính đã được cấp giấy cho người khác là không chính xác và ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ph. Từ đó cho thấy, việc đính chính này là trái quy định tại Điều 106 Luật đất đai, trái khoản 1 Điều 186 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai, khoản 3 Điều 10, Điều 11 Thông tư 24/2014 ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[3] Trong khi đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 137933 số vào sổ 2189/QSDĐ do UBND huyện Đ1 cấp cho hộ ông Lạc C ngày 18/8/2004 đối với thửa 0717, tờ bản đồ số 29 nhưng với diện tích là 3.932m², và sổ bộ địa chính thửa 68 không đứng tên ông C. Ông C kê khai thửa 68 vào năm 2003 nhưng cấp thửa 0717 là thửa không có số thực tế trên tờ bản đồ số 29. Đồng thời, thời điểm ông C kê khai thì thửa 68 đã được cấp giấy cho ông Ph từ năm 1997. Ngày 02/7/2017 thửa 0717 lại được đính chính thành thửa 68, tờ bản đồ số 29 mà không có bất kỳ văn bản nào xác định thửa 0717 và thửa 68 là cùng một thửa và thời điểm đính chính thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh Ph vẫn đang còn hiệu lực và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào thu hồi hay hủy bỏ là hoàn toàn trái quy định pháp luật.

Từ đó cho thấy, việc những người đại diện theo ủy quyền của bà M và ông Lạc C cho rằng ông Kh chuyển nhượng đất cho ông Lạc C nhưng không được ông Kh thừa nhận, đồng thời chính ông Lạc C và bà M cũng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện việc nhận chuyển nhượng từ ông Kh, nên không có căn cứ xác định việc đính chính thửa 0717 thành thửa 68 là hợp pháp.

Việc ông C và bà M cho rằng có xác nhận của ông Nguyễn Văn Đức (cán bộ địa chính xã 2002-2004), là người xác nhận tiếp nhận hồ sơ kê khai của ông C,

nhưng thời điểm này thì ông Ph đã được cấp giấy năm 1997 nên đây là lỗi của cán bộ địa chính không kiểm tra, rà soát, nên việc xác nhận là không có cơ sở.

Và đặc biệt, khi xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lạc C thể hiện từ đơn kê khai và trích lục đều khác nhau, không phù hợp diện tích của ông Kh, không đúng đối tượng và không có quyết định cấp giấy nên việc cấp giấy là trái pháp luật.

[4] Từ các chứng cứ và nhận định trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Ngọc M về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh Ph là có căn cứ. Các đương sự có liên quan có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Yêu cầu kháng cáo của bà M và ông C là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy bà M và ông C phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc M và ông Lạc C. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 80/2020/HC-ST ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 166 và Điều 106 Luật đại đại; Điều 32 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ph về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 137933 số vào sổ 2189/QSĐĐ do UBND huyện Đ1 cấp cho hộ ông Lạc C ngày 18/8/2004 đối với thửa 0717, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.932m² (ngày 02/7/2017 điều chỉnh thửa 0717 thành thửa 68; ngày 15/8/2017, điều chỉnh hộ ông Lạc C thành ông Lạc C và điều chỉnh biên động thành Trương Ngọc M ngày 18/9/2017), đất tọa lạc xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc M về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ1.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 684673 số vào sổ 0386/QSDĐ/0717 LA do UBND huyện Đ1 cấp cho ông Nguyễn Thanh Ph ngày 30/10/1997 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 29 diện tích 3.567m² là đúng quy định pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trương Ngọc M và ông Lạc C mỗi người phải nộp 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ theo các biên lai thu số 0008686, 0008687 ngày 13/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An; bà M, ông C đã nộp xong.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Hoàng Minh Thịnh

Phạm Công Mười